

# MA-HA CHỈ QUÁN

## QUYỂN 7 (Phân Đầu)

**5. *Biết về thông bát:*** cũng gọi là biết được mất, cũng gọi biết chữ chẳng phải chữ, phá pháp biến, lẽ ra đều nhập vào vô sinh. Nếu không nhập thì nên suy tìm được mất, sẽ bị dính mắc phải quấy, không được một bề cho là hiểu. Vì sao? Vì nếu đồng với ngoại đạo ái chấp quán không trí tuệ thì phải dùng bốn câu phá khắp, năng phá như sở phá, khiến cho bát được thông, nếu không chấp quán không trí tuệ thì năng phá không phải như sở phá, chỉ phá bát còn thông, như vệt màng mỏng nuôi trông mắt, phá giác hộ tương. Nếu vậy tức là Đại đạo sư khéo biết thông bát, sẽ dẫn dắt mọi người có thể vượt năm trăm do-tuần. Xưa chép: Lục địa kiến tư hoặc hết là ba trăm, Thất địa, Bát địa là bốn trăm, Cửu địa, Thập địa là năm trăm, nghĩa này trái với Thích luận. Luận cho Nhị thừa là bốn trăm, đạo Nhị thừa chẳng phải Thất địa, Bát địa, người tu theo luận Nhiếp Đại thừa cho ba cõi là ba trăm, phương tiện nhân duyên hai thứ sinh tử đầy đủ làm năm trăm, thì nghĩa là thấu nhiếp bát tận, lại có hữu hậu sinh tử, vô hậu sinh tử thuộc trăm nào ư? Người tu theo địa luận cho Thập tín, Trụ Hạnh, Hương địa là năm trăm, đây trái với kinh Pháp Hoa, kinh Pháp Hoa trải qua ba trăm do-tuần làm hóa thành, đây thì ba trăm do-tuần làm hóa thành. Lại có người hiểu ba cõi là ba trăm, hàng Nhị thừa đủ làm năm trăm, nghĩa này có ba lỗi: 1) Vượt ngoài ba cõi lập hóa thành. Tại sao hàng Nhị thừa vượt ngoài ba cõi không vào thành, lại đi bốn trăm, năm trăm, ngoài bốn trăm, năm trăm lại không còn có hóa thành, làm sao có thể nhập mà gọi là Nhị thừa. 1) Hóa thành diệt mới có thể tiến được, thành vẫn chưa diệt mà đã tiến lên bốn trăm, năm trăm. 3) Hàng Nhị thừa cùng vào hóa thành, vì sao hàng Thanh văn là bốn trăm? Bích-chi-phật là năm trăm? Có người cho Năm trụ phiền não làm năm trăm, nhưng hàng Nhị thừa đã dứt bốn trụ nên ngoài bốn trăm do-tuần lập hóa thành, có người cho rằng dứt kiến tư hoặc ba cõi làm ba trăm, trần sa làm bốn trăm, vô minh làm năm trăm,

đây cũng không phải như vậy, do-tuần vốn thí như phiền não. Vì sao kiến nhiều mà không có số lượng, tứ ít làm ba trăm, danh nghĩa này vốn xuất xứ từ kinh Pháp Hoa, kinh Pháp Hoa nêu năm trăm làm thí dụ gốc, dùng đường sinh tử nguy hiểm, vị thầy dẫn dắt quán biết hợp, ứng thực hành ba phen nói năm trăm mới la hiểu kinh. 1) Y cứ nơi chốn sinh tử. 2) Y cứ vào phiền não. 3) Y cứ vào trí tuệ. Sự giải thích của các sư mới toàn vẹn dứt động, không hợp với văn, như đem một cái muống làm thành ba cái chìa khóa, Sư đầu tiên y cứ vào thông vị, dựa vào bốn trăm lập hóa thành, các nhà Nhiếp luận y cứ vào sinh tử cắt hai thứ bỏ bên ngoài, các nhà Địa luận y cứ vào biệt vị trong giới nội lập hóa thành. Các Sư kể đi đường tắt không đợi khai quyền liền tự hiển thật, lỗi của người thầy như thế, ý của Thích luận như thế nào? Luận có hai văn: Ban đầu cho Nhị thừa là bốn trăm mà thôi không làm năm trăm văn, văn sau cho Nhị thừa là một trăm, nay luận chung, giải thích ý chung, đạo gia cho chân để làm cùng cực, trải qua ba cõi mà chưa phá được hóa thành, chỉ nhập Niết-bàn, tức chỉ Niết-bàn là bốn trăm, mà lại dùng Nhị thừa làm một trăm, ấy là nói Bồ-tát xuất giả từ không xuất giả, chẳng phải Niết-bàn làm một trăm, nhập vào ba cõi làm ba trăm, làm như vậy thì tiêu mất văn, đối với kinh luận thì không ngăn ngại. Nay nói năm trăm do-tuần. 1) Y cứ vào nơi chốn sinh tử: Nghĩa là quả báo trong ba cõi làm ba trăm, phương tiện hữu dư độ, thật báo vô ngại độ gọi là nơi chốn năm trăm do-tuần. 2) Y cứ vào phiền não: Có chỗ nói kiến đế hoặc là một trăm, năm phần dưới làm hai trăm, năm phần trên làm ba trăm. 3) Y cứ vào quán trí: Không quán trí biết ba trăm, giả quán trí biết bốn trăm, Trung quán trí biết năm trăm, đây hợp với văn, không lỗi như các sư trước. Lại các sư phê phán giai vị xa xôi, hành nhân sơ tâm còn chưa dứt kiến thì nhờ đâu mà siêu vượt năm trăm do-tuần ư? Nay nói về do-tuần có chiều ngang thông bát, có bề dọc thông bát. Bề ngang: Y cứ đủ ba pháp, khổ tập là bát, đạo diệt là thông, vô minh mười hai nhân duyên là bát, vô minh diệt là không, sáu tế che lấp tâm là bát, sáu Độ là thông. Dọc thông bát: Hoặc Kiến tư, sinh tử phần đoạn là bát, từ giả nhập không quán là thông, vô tri phương tiện sinh tử là bát, từ không nhập giả quán là thông, vô minh nhân duyên sinh tử, v.v... là bát, Trung đạo chánh quán là thông. Nay sẽ dùng ngang kết hợp dọc, tra xét thông bát, như từ giả nhập không phá các kiến tư hoặc: Đơn, phức, cụ túc, vô ngôn, v.v... chín lần chín là tám mươi một phẩm tư hoặc, các hoặc này vốn là ô nhiễm, làm phiền não thêm nhiều, ngăn che hành nhân, sao lại chấp trước cho phải là trái, khởi các kết nghiệp, rơi vào vòng sinh tử, chỉ thấy

khổ tập, không thấy đạo diệt, đã không biết kiến tư hoặc trong bốn Đế là sự, không biết tên gọi vô minh, cho đến già chết, chỉ kết cấu nhân duyên vô minh bất diệt, vì bất diệt cho nên chấp chặt không thể bỏ, chỉ ở bờ bên này, không đến bờ bên kia. Đại kinh chép: Khi đưa trẻ đói lấy quả trong phân, người trí quả trách thì có thẹn đỏ mặt nhưng đánh mất pháp thanh tịnh, đó gọi là Bít. Nếu đối với các kiến như vậy mà khởi tâm, biết không thật tánh, vô thường vô chủ, phá đổ thì không còn nghiệp, không nghiệp thì không quả, đó gọi là đạo, có đạo cho nên có diệt. Nếu biết hiểu Bốn Đế cho nên không có vô minh cũng không có già chết, nhân duyên hoại thì xả bỏ các hữu đến bờ bên kia, nên dụng ý này vượt qua mỗi tâm, vượt qua mỗi năng, vượt qua mỗi sở. Hoặc khởi ba bít, phá cho thông, hoặc là ba thông dưỡng nuôi cho thành tựu. Lại nữa, thể kiến tức không, năng thể cũng tức không, như tâm La-hán còn gọi là năm ấm vô lậu, quán ngã chưa thấy chân đầu được gọi là phi ấm, nếu chấp ấm thật thì kết nghiệp sinh tử, nếu không hiểu rõ ấm Tứ đế tức là vô minh, nếu ái quán không trí tuệ thì không thể xả bỏ, tức dùng không tuệ vượt qua mỗi sở. Nếu có ba bít, phá cho thông, hoặc là ba thông nuôi dưỡng cho thành tựu, thì khéo vượt qua các bít của kiến tư hoặc, khéo thông ba trăm do-tuần.

Kế là dùng ngang kết dọc tra xét từ không nhập giả quán thông bít, đây thì dễ hiểu, đối với bệnh pháp, thuốc pháp, trao thuốc pháp, đối với mỗi pháp, mỗi năng, mỗi sở, biết rõ đế duyên độ, hoặc khởi ba bít, phá cho thông, hoặc có ba thông nuôi dưỡng cho thành tựu, thì vượt qua các thông bít của vô tri bốn trăm do-tuần. Kế là dùng ngang kết hợp dọc, tra xét chung đạo chánh quán, đối với vô minh pháp tánh chân duyên v.v... mỗi pháp, mỗi năng, mỗi sở, biết rõ đế duyên độ, hoặc khởi ba bít phá cho thông, hoặc có ba thông nuôi dưỡng cho thành tựu thì vượt qua thông bít vô minh năm trăm do-tuần, hoặc thực hành như thế nói về thông bít, thứ lớp nói theo bề dọc về Lục địa Sơ địa, trải qua nhiều số kiếp bít mới được thông. Đại kinh chép: Tu-đà-hoàn trải qua tám muôn kiếp mới đạt được, cho đến Bích-chi-phật mười ngàn kiếp mới đạt đến, đến Bồ-tát Sơ phát tâm trụ. Đây là nói về địa vị Thánh đầu có lợi ích gì cho hành nhân sơ tâm. Lại nữa, y cứ bề ngang nói riêng về thông bít, như kinh Đại phẩm chép: Có Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đã tương ứng với Bát-nhã, tương ứng với không, hoặc ban đầu chưa tương ứng phải dụng đế duyên độ để xem xét mỗi tâm. Hặc có ba bít phá cho thông, hoặc có ba thông nuôi dưỡng cho thành tựu, được vượt qua ba trăm do-tuần. Lại nói rằng: Có Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đã có thể du

hý thần thông thanh tịnh cõi nước Phật, đây là ý xuất giả, nên mới phát tâm tu giả, cũng dùng để duyên độ xem xét mỗi tâm, phá bít nuôi dưỡng thông, vượt qua bốn trăm do-tuần. Lại nói: Có Bồ-tát lúc mới phát tâm đã có thể ngồi đạo tràng, thành Chánh giác, đây tức là ý trung, hoặc mới phát tâm tu trung, cũng dùng để duyên độ xem xét mỗi tâm, phá bít nuôi dưỡng thông, vượt qua năm trăm do-tuần. Nói như thế, tuy sơ tâm nhưng được nói về thông bít mà ba pháp đều khác nhau. Đại luận dẫn ba thí dụ: 1) Đi trên cạn và đi dưới nước. 2) Đi xe ngựa. 3) Đi bằng thần thông. Đi bộ, đi ngựa phải biết thông bít, thần thông không ngăn ngại, bít không thể ngăn, vách núi đều trống rỗng làm sao thông có thể chọn lựa. Sơ quán dụ cho đi bộ, quán kế dụ cho ngựa, quán sau cùng dụ cho bay, ba nghĩa phân rộng cũng chẳng phải ở đây dùng. Nếu nói ba quán theo chiều dọc hai quán đương địa là thông, đối với trên là bít, hoặc một quán sau thẳng dưới là thông, cách tiếu làm bít. Nếu nói ba quán theo chiều ngang thì phân làm thông, thấu nhiếp không tướng làm bít, pháp tướng sâu cạn mặc có thông bít, hướng chi lại đối với trung khởi khổ tập, vô minh che lấp v.v... vì vậy cho nên đều bít không còn có Thông; hoặc một tâm ba quán, pháp tướng tức phá, thông bít theo chiều dọc, ba quán một tâm phá thông bít theo chiều ngang. Không tức ba quán cho nên phá thông bít đi trên cạn, lội dưới nước, vách núi ba trăm do-tuần, giả tức ba quán phá thông bít xe ngựa bốn trăm do-tuần, trung tức ba quán thông bít của thần thông, bởi do một tâm tức là không giả trung, tất cả sông núi vách đá các ma, các đạo, đều như hư không, một tâm ba quán đạo chơi không ngăn ngại, không bao giờ bỏ thấp lên cao, xa lánh núi hang, gặp đến các chỗ bít đều được thông không ngăn ngại, có thể vượt qua năm trăm do-tuần đi đến đảo châu báu, đó gọi là thông. Thông vốn đối với bít, đã gặp các chỗ như hư không thì không còn có bít, không có bít thì không có thông, nếu đối với không bít không thông mà khởi khổ tập vô minh chướng tế thì chẳng những mất thần thông mà còn mất cả xe ngựa lẫn đi bộ, năng phá như sở quán, chữ chẳng phải chữ, như loài trùng kia tình cờ được tên gọi ba quán, loài trùng ấy không biết là chữ hay chẳng phải chữ, nếu đối với mỗi pháp, mỗi năng, mỗi sở đều tức không tức giả tức trung có để duyên độ thì đó gọi là vô thông vô bít, song chiếu thông bít, đó là người trí biết chữ chẳng phải chữ, cũng gọi là lương y biết được biết mất, đối với vô sinh môn hiểu rõ thông bít, đối với các pháp môn khác cũng giống như vậy, đó là Sơ tâm vượt qua năm trăm do-tuần nên nói về nghĩa sáu tức.

Hỏi: Thông bít, được mất, chữ chẳng phải chữ là một hay là khác?

Đáp: Đây là dùng một ý mà nói các thứ, cũng có khác nhau, thông bát y cứ vào giải, đắc thất y cứ vào hành, chữ chẳng phải chữ, y cứ vào giáo. Kinh Kim Quang Minh chép: Chánh nghe, chánh thích, chánh phân biệt, chánh hiểu đối với duyên chánh năng hiểu biết rõ ràng, biết chữ chẳng phải chữ là chánh nghe chánh thích, biết được mất là chánh phân biệt, chánh giải đối với duyên, biết thông bát là chánh năng hiểu biết, tuy đây có khác nhau mà đồng hiển bày nhất trí.

Hỏi: Ngang bát bát dọc có thông không? Dọc bát bát ngang có thông không? Ngang thông thông dọc có bát không? Dọc thông thông ngang có bát không? Đáp: Lần thứ nhất thì như thế, lần thứ hai không phải như thế. Nhưng vô minh tức kiến tư hoặc vì sao chẳng phải chướng ngang, Trung trí trị tất cả, vì sao không thông ngang bát, đây là nghĩa lần thứ nhất. Nếu giải thích lần thứ hai thì ngang bát chướng gần, không thể bát dọc thông, ngang thông sức yếu không thể thông dọc bát, dọc bát sâu xa không thể làm chướng ngang, dọc thông đối đương biệt bát thông đối với ngang bát.

**6. Nói về đạo phẩm điều hòa thích nghi:** Đạo phẩm có bốn: 1) Đương phần. 2) Tương nhiếp. 3) Ước vị. 4) Tương sinh. 1. Nói về đương phần: Chưa hẳn có phẩm mới được đắc đạo, ba, bốn, hai, năm đơn bảy chiếc tám, đương phần là đạo, cho nên nói nên nương niệm xứ đắc đạo. Lại nói là đạo tràng, lại nói là Ma-ha-diễn, niệm xứ đã như vậy, các phẩm khác cũng như vậy, đó gọi là đương phần đạo phẩm mà chẳng phải điều đình. 2. Nói về tương nhiếp: Như pháp niệm xứ đều thấu nhiếp các phẩm, dẫn văn Thích luận chép: Niệm xứ đã thuộc về các phẩm khác, các phẩm khác cũng thuộc về niệm xứ, đó là tương nhiếp đạo phẩm, cũng chẳng điều đình (hòa giải). 3. Y cứ vào vị: Như niệm xứ đương ở địa vị kia, chánh cần là noãn vị, như y túc là Đảnh vị, năm căn là nhãn vị, năm lực là thế đệ nhất vị, tám chánh là kiến đế vị, thất giác tu đạo vị, đây là y cứ vào vị cũng chẳng phải điều đình. 4. Tương sinh: Như tu niệm xứ năng sinh chánh cần, chánh cần phát sinh Như ý túc, Như ý túc sinh năm căn, năm căn sinh năm lực, năm lực sinh bảy giác, bảy giác nhập tám Chánh đạo, đó gọi là thiện xảo điều thích. Giới định tuệ v.v... đều gọi là chánh, tâm thanh tịnh thường nhất thì thấy được Bát-nhã, đó gọi là tương sinh, cũng gọi điều thích, cho nên phải như thế. Từ trên đến đây tuy phá pháp biến thức thông bát nếu không điều đình đạo phẩm thì làm sao có thể mau tương ưng với chân pháp. Chân pháp gọi là vô lậu, đạo phẩm là hữu lậu, hữu lậu có công năng làm ra phương tiện vô lậu, phương tiện mất thì chân lý khó hội, như cách gây

men rượu thì hơi ấm là thích hợp, biến nước thành rượu, men rượu mất độ vị thì không thành. Đại luận chép: Ba mươi bảy phẩm là pháp hành đạo. Thành Niết-bàn có ba cửa, ba cửa là nhân gần đạo phẩm là nhân xa, vì nghĩa ấy cho nên cần phải điều đình đạo phẩm.

Hỏi: Đạo phẩm là pháp Nhị thừa, tại sao gọi là đạo Bồ-tát ư? Đáp: Đại luận quở trách ai hỏi như vậy, Tam tạng Ma-ha-diễn đều không nói như vậy, đâu được nói là pháp Tiểu thừa. Kinh Tịnh Danh chép: Đạo phẩm Thiện tri thức do đó thành Chánh giác, đạo phẩm là đạo tràng, cũng là Ma-ha-diễn. Kinh Niết-bàn chép: Tu tám Chánh đạo liền thấy Phật tánh gọi là đắc đề hồ. Kinh Đại tập chép: Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đước báu đà-la-ni của Bồ-tát. Các kinh này đều nói về đạo phẩm đâu phải chỉ nói về Tiểu thừa. Như Đại kinh chép: Ba mươi bảy phẩm là nhân Niết-bàn, chẳng phải nhân Đại Niết-bàn, vô lượng A-tăng-kỳ là nhân đại Niết-bàn, ngoài đạo phẩm này ra không có đạo phẩm riêng khác, như ngoài bốn Đế không có năm đế. Một thứ khổ tập như đất trên móng, phân biệt khổ tập có vô lượng tướng như các cõi mười phương, lại nói ba mươi bảy phẩm là nhân Niết-bàn, lại có vô lượng ba mươi bảy phẩm trợ đạo gọi là nhân Đại Niết-bàn. Vì sao vô lượng có bốn thứ đạo đế, có mười sáu môn! Lại đạo phẩm hữu lậu ở cõi Dục có hai mươi hai, chưa đến ba mươi sáu, Sơ thiên ba mươi bảy, đều là đạo phẩm hữu lậu như sữa, Tam tạng đạo phẩm như lạc, Thông giá đạo phẩm như bơ sống, Biệt giáo như bơ chín, Viên giáo như đề hồ, văn nghĩa trong Đại kinh hợp với ở đây, chẳng phải ngoài đạo phẩm có pháp trợ riêng. Hoặc nói ba mươi bảy phẩm là trợ đạo, hoặc nói là chánh đạo. Đại luận chép: Là đạo Bồ-đề, văn này dường như chánh. Kinh Tịnh danh chép: Đạo phẩm Thiện tri thức nhờ đó thành Chánh giác. Văn này dường như trợ. Lại nếu nói ba mươi bảy phẩm là hữu lậu, vì sao nói bảy giác là tu đạo! Kinh Pháp Hoa chép: Vô lậu căn lực giác đạo, vì sao tám Chánh đạo ở trước bảy giác? Ở đây nên phân biệt ba câu: 1) ba mươi bảy phẩm đều là hữu lậu. 2) Đều là vô lậu. 3) Vừa là hữu lậu vừa là vô lậu. Như Đại luận chép: Tu tám Chánh đạo đắc sơ thiên hữu lậu năm ấm. Thiện hữu lậu năm ấm tức là noãn pháp, trước noãn pháp còn được tu tám Chánh đạo, vì sao tu ư? Ban đầu theo thầy thọ pháp, buộc tâm nhớ nghĩ gọi là niệm xứ, vì cầu pháp này nên siêng năng thực hành gọi là chánh cần, trong nhất tâm tu gọi là ý túc, năm gốc lành sinh gọi là gốc, gốc lớn dần gọi là Lực, phân biệt đạo dụng gọi là bảy giác, an ổn trong đạo hạnh gọi là tám Chánh đạo, năng tu như vậy được thiện hữu lậu năm ấm. Phải biết đạo phẩm đều là hữu lậu, đều là vô lậu: tức là kiến đế tư duy sở



hành đạo phẩm, một bề là hữu lậu, văn ý kinh Pháp Hoa là ở đây. Về sau này tuy nói trong hữu lậu được tu tám chánh, bảy giác v.v... Nhưng chưa có văn làm chứng. Song, luận Tỳ-bà-sa chép: Hoặc tám chánh ở sau bảy giác cũng gọi là hữu lậu, cũng được gọi là vô lậu. Vì sao? Vì nương tám chánh nhập kiến đế tức cũng là vô lậu, nếu tám chánh ở trước bảy giác thì một bề là vô lậu, đây thì có thể hiểu, dẫn văn Bà-sa chứng thành hai ý. Lại vừa lậu vừa vô lậu tức là ý đối vị, các đạo đế ba mươi bảy phẩm ở đây không ghi chép đầy đủ, chỉ nêu rõ vô tác đạo đế ba mươi bảy phẩm, thành đối nghĩa một tâm ba quán. Đại phẩm chép: Muốn dụng tất cả thứ tu bốn Niệm xứ, niệm xứ là pháp giới thân nhiếp tất cả pháp, tất cả pháp hướng về niệm xứ là hướng đến không lỗi lầm. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thí như mặt đất sinh ra mầm mống, đất là các mầm giống. Kinh Pháp Hoa chép: Tất cả chúng tướng thể tánh đều là một chủng tướng thể tánh, vì sao gọi là thất chủng? Tức là chủng tướng thể tánh của Phật. Thông thường nói rằng: Kinh Pháp Hoa không nói về Phật pháp, kinh nói nhất chủng là nhất chủng nào? Cỏ cây rừng rậm các thứ dụ cho bảy phương tiện, một thứ mặt đất tức là thật sự, gọi là Phật chủng. Nay tâm một niệm khởi bất tư nghì tức là nhất thiết chủng, mười giới ấm nhập không ngăn ngại nhau, nếu quán pháp tánh nhân duyên sinh, một chủng là tất cả chủng thì một sắc tất cả sắc, nếu pháp tánh là không nên tất cả sắc là một sắc, thì một không tất cả không, pháp tánh giả cho nên một sắc là tất cả sắc, một giả tất cả giả, pháp tánh Trung cho nên chẳng phải một, chẳng phải tất cả, song chiếu một tất cả, cũng gọi chẳng phải không chẳng phải giả, song chiếu không giả, thì tất cả chẳng phải không, chẳng phải giả, song chiếu không giả, chín pháp giới sắc tức không tức giả tức trung, cũng giống như vậy, đó gọi là Thân niệm xứ. Nếu quán pháp tánh thọ, pháp tánh nhân duyên sinh; một chủng tất cả chủng, một thọ tất cả thọ, vì pháp tánh thọ không, nên tất cả thọ là một thọ, một không tất cả không, vì pháp tánh thọ giả danh nên một thọ là tất cả thọ, một giả tất cả giả, vì pháp tánh thọ trung, nên chẳng phải một thọ chẳng phải tất cả thọ, chẳng phải không, chẳng phải giả, song chiếu không giả, chín pháp giới thọ tức không tức giả tức trung cũng giống như vậy, đó gọi là Thọ niệm xứ. Nếu quán pháp tánh tâm là pháp do nhân duyên sinh, một chủng tất cả chủng, một tâm tất cả tâm, vì pháp tánh không nên tất cả tâm là một tâm, một không tất cả không, vì pháp tánh giả nên một tâm là tất cả tâm, một giả tất cả giả, vì pháp tánh trung nên chẳng phải một chẳng phải tất cả, chẳng phải không chẳng phải giả, song chiếu không giả, chín pháp giới tâm cũng giống

như vậy, đó gọi là Tâm niệm xứ. Nếu quán pháp tánh, hai ấm tưởng hành là pháp do nhân duyên sinh thì một chủng là tất cả chủng, một hành là vô lượng hành, vì pháp tánh không nên tất cả hành là một hành, một không tất cả không, vì pháp tánh giả cho nên một hành là tất cả hành, một giả là tất cả giả, vì pháp tánh là trung cho nên chẳng phải một, chẳng phải tất cả, chẳng phải không, chẳng phải giả, song chiếu không giả, tất cả chẳng phải không chẳng phải giả, song chiếu không giả, chín pháp giới tưởng hành đều tức không tức giả tức trung, cũng giống như vậy, đó gọi là pháp niệm xứ. Niệm xứ như vậy lực dụng rộng lớn, nghĩa bao gồm đại tiểu, đều phá tám đảo, cả hai hiển bày tươi khô, cả hai chẳng phải tươi khô, tức ở trung gian nhập Bát-niết-bàn, cũng gọi là tọa đạo tràng, cũng gọi là Ma-ha-diễn, cũng gọi là pháp giới, bao gồm nghĩa rộng, tướng ấy như thế nào? Sắc pháp tánh thật chẳng phải tịnh mà phàm phu chấp ngang là tịnh, đó gọi là điên đảo, thật chẳng phải bất tịnh, hàng Nhị thừa chấp ngang là bất tịnh, đó gọi là điên đảo. Nay quán sắc chủng tức không, tất cả tức không, không trung không tịnh vì sao nhiễm trước! Đó gọi là phàm phu chấp tịnh, đảo phá khô niệm xứ thành. Sắc chủng tức giả, tất cả đều giả, phân biệt danh tướng không thể cùng tận, giả trí thường thanh tịnh, không bị trần hoặc vô tri làm ô nhiễm, tại sao dính mắc không mà chọn nguội thân bất trí? Nói sắc bất tịnh, đó gọi là Nhị thừa bất tịnh đảo phá tươi niệm xứ thành, đó gọi là tám đảo đều phá, tươi khô song lập. Quán mé gốc của sắc chẳng phải không chẳng phải giả thì tất cả chẳng phải không chẳng phải giả, vì chẳng phải không cho nên chẳng phải bất tịnh đảo, vì chẳng phải giả cho nên chẳng phải tịnh đảo, chẳng phải tịnh đảo cho nên chẳng phải cây tươi, chẳng phải bất tịnh đảo cho nên chẳng phải cây khô, chẳng khô chẳng tươi thì chẳng phải hai bên, chẳng phải bên chẳng phải trung, đó gọi là trung gian, Đức Phật hội đủ ý này cho nên gọi là Niết-bàn, cũng là chẳng phải tịnh chẳng phải bất tịnh, tám đảo bất sinh là Niết-bàn, Niết-bàn như vậy gọi là Bí mật tạng. Đặt chư tử trong bí mật tạng, trong Phật tự tại, cho nên nói nhập, thọ pháp tánh vốn chẳng phải lạc, nhưng hàng phàm phu chấp ngang là lạc, đó gọi là điên đảo, thật chẳng phải khổ, hàng Nhị thừa chấp ngang là khổ, nay quán thọ chủng tức không, tất cả đều không, trong không không có lạc, làm sao sinh nhiễm? Phàm phu đảo phá khô niệm xứ thành. Thọ chủng tức là giả tất cả đều giả, dùng không hề thọ mà thọ các thọ, tiếng tăm phân biệt không sinh nhằm chán sợ hãi, vì sao xả bỏ mà đắm không, hàng Nhị thừa đảo phá tươi niệm xứ thành, đó gọi là hai thứ đảo, hai thứ phá khô tươi, ba thứ



lập. Quán thọ bốn tế là chẳng phải không chẳng phải giả, vì chẳng phải không cho nên chẳng phải khô, vì chẳng phải giả cho nên chẳng phải tươi, biên đảo không sinh gọi là Niết-bàn, lý trung gian hiển bày gọi là bí mật tạng, đều như trên nói v.v... Tâm pháp tánh vốn chẳng thường, phàm phu phá ngang gọi là thường đảo, pháp tánh thật chẳng phải vô thường, hàng Nhị thừa chấp ngang là vô thường, nay quán tâm chủng tức không, tất cả tức không, trong không chẳng phải thường, vì sao cho rằng tâm niệm niệm nối nhau, đó gọi là phàm phu thường đảo phá khô niệm xứ thành. Tâm tức giả danh, tất cả đều giả, nếu tâm vô thường thì đâu được phân biệt vô lượng tâm tướng, đó gọi là Nhị thừa vô thường đảo phá tươi niệm xứ thành. Lại tâm tức chẳng phải không chẳng phải giả, vì chẳng phải không cho nên chẳng phải vô thường, vì chẳng phải giả nên chẳng phải thường, chẳng phải tươi, chẳng phải khô đảo bất sinh gọi là nhập Niết-bàn, lý Trung đạo hiển bày gọi là bí mật tạng, đặt các tử tự cũng nhập trung, v.v... Pháp của tánh pháp vốn chẳng phải hữu ngã, hàng phàm phu chấp ngang có ngã, vốn chẳng phải vô ngã, hàng Nhị thừa chấp ngang vô ngã. Nay quán pháp tánh tức không, tất cả đều không, trong không vô ngã, gọi là phàm phu đảo phá khô niệm xứ thành. Pháp tánh tức giả, tất cả đều giả thi thiết, tự tại không dính mắc gọi là bí mật tạng. Trị thuốc pháp số kia có bốn: Pháp tánh quán trí gọi là niệm, một đế ba đế gọi là xứ, tất cả tức không, các đảo khô tươi đều vắng lặng, tất cả tức giả, hai bên hai cây đều được thành lập, tất cả tức trung đều là pháp giới, chỉ một niệm tâm xa rộng như thế, nếu quán sâu niệm xứ là ngòi đạo tràng, là Ma-ha-diễn, là giữa hai cây nhập Bát-niết-bàn, từ đầu đến cuối đầy đủ không cần tu các pháp khác. Nếu không nhập lại nghiên cứu các phẩm khác, siêng năng quán niệm xứ gọi là chánh cần, hoặc kiến tư vốn khởi gọi là đã sinh ác, quán sát tức không khiến đã sinh bất sinh, cho nên siêng năng tinh tấn, trần sa vô minh gọi là chưa sinh ác, quán tức giả tức trung khiến chưa sinh bất sinh cho nên siêng năng tinh tấn. Cố gắng hết thực hành bốn Tam-muội, ngăn ngừa hai việc ác này thì Nhất thiết trí gọi là đã sinh thiện, thiện này dễ sinh cho nên nói đạo Nê-hoàn dễ đắc. Trí đạo chủng, nhất thiết chủng trí gọi là chưa sinh thiện, trí phân biệt này khó sinh, không trí đã sinh, siêng năng làm cho thêm rộng lớn, trung trí chưa sinh làm cho được khai phát, ba quán không xen hở làm cho sinh hai trí này, là bốn Chánh cần cũng có thể ngộ đạo cho nên nói nhất tâm siêng năng tinh tấn nên đắc Tam-bồ-đề, không cần các pháp khác. Nếu không nhập sẽ là bất động, tâm lỗi tán động phải nhập khéo vắng lặng, quán xét tâm tánh gọi

là thượng định, ở trong thượng định tu Như ý túc, dục tinh tấn tâm tư duy. Dục: Là chuyên hướng về pháp ấy, cũng gọi là trang nghiêm pháp kia, trong định quán trí như trong nhà tối thấp đèn sáng chiếu vật được rõ ràng, do chiếu rõ ràng cho nên đoạn hành thành tựu, tu Như ý túc. Tinh tấn: Thành tựu pháp kia, pháp tánh bất động mà vắng lặng tinh tấn, không dứt quãng, không lẫn lộn, đoạn hành thành tựu, tu Như ý túc. Tâm ấy là chánh trụ quán sát pháp kia duyên trong nhất tâm, chế định một nơi, không việc gì không rõ ràng, đoạn hành thành tựu, tu Như ý túc. Tư duy: Khéo có thể phân biệt pháp kia phương tiện, suy nghĩ như thế không để cho động tán, định tư duy cho nên đoạn hành thành tựu, tu Như ý túc, năng tu như đây, định tâm mà nhập, không cần các pháp khác. Nếu không nhập thì phải tu năm căn, tin lý ba đế là mẹ của các Đức Phật ba đời, có công năng sinh tất cả mười Lực, Vô úy, Giải thoát Tam-muội, chỉ tu niệm xứ không cầu các pháp khác đó gọi là tín căn. Tấn: Dùng tín thâm nhiếp các pháp, tin các pháp cho nên siêng tinh tấn gấp bội. Niệm: Chỉ niệm chánh trợ đạo, không để cho tà vọng xâm nhập, lại pháp này là chỗ tu tinh tấn, là pháp không quên, cho nên gọi là niệm căn. Định: Nhất tâm vắng lặng mà thực hành tinh tấn, lại pháp này thuộc về niệm, pháp này không quên, bất động, cho nên gọi là định căn. Tuệ: Tuệ của niệm xứ là thuộc về pháp định, tánh bên trong sự soi chiếu không từ nơi khác mà biết, đó gọi là tuệ căn. Chỉ tu năm căn cũng có thể nhập đạo, thành Ma-ha-diễn. Nếu không nhập thì phải tiến tu năm lực khiến căn thêm lớn, ngăn các phiền não gọi là lực; tín phá các sự nghi ngờ, không thể lay động; tinh tấn trừ biếng nhác như bồn sở nguyện đều được thành tựu; niệm phá tà tưởng không bị phiền não làm hoại; định phá tán loạn, xa lìa ồn náo, tuy có nói năng nhưng không ngại Sơ thiền, khéo trụ nơi giác quán không ngại Nhị thiền, tâm sinh vui mừng không ngại Tam thiền, giáo hóa chúng sinh không ngại Tứ thiền, chướng ngại pháp Tứ thiền không chướng ngại các định, cũng không xả định, cũng không tùy định, đó gọi là định lực; tuệ phá tà chấp, tất cả tà, tất cả tuệ, song chiếu đầy đủ, đó gọi là tuệ lực, năm lực như vậy gọi là Ma-ha-diễn. Nếu không nhập thì phải dùng bảy giác điều hòa, khi tâm phù động thì dùng trừ giác để trừ thô của thân miệng, dùng xả giác để xả quán trí, dùng định tâm để nhập thiền, nếu tâm hôn trầm thì tinh tấn trạch hỷ khởi, niệm hai chỗ thông, duyên, tu bảy giác này liền được nhập đạo. Đại Luận chép: Nếu lìa năm ấm, chuyên tu bảy giác mà không được nhập thì không có việc ấy. Nếu không nhập thì phải tu tám Chánh đạo, lại dùng chánh kiến xuất thế thượng thượng quán lý ba đế, dùng chánh tư

duy phát động quán này, như pháp tướng nói tự tha đều lợi ích, tức là chánh ngữ. Nếu hắc nghiệp được hắc báo, bạch nghiệp được bạch báo, tạp nghiệp được tạp báo, phi bạch phi hắc nghiệp được phi bạch phi hắc báo, căn cứ Tiểu thừa làm thì có thể hiểu. Nay nói chìm đắm vào không là hắc nghiệp, xuất giả là bạch nghiệp, bao gồm cả hai là tạp nghiệp, Trung đạo là phi bạch phi hắc nghiệp, đều gọi là tà mạng. Nếu nghiệp có thể hết thì nghiệp gọi là chánh nghiệp, y đây mà thực hành gọi là chánh nghiệp, chánh nghiệp không bị hai bên lôi kéo, thấy người khác được lợi tâm không bực bội, mà đối với bản thân mình lợi thường biết vừa đủ, nên dừng lại không tham lam, đó gọi là chánh mạng. Khéo nhập chánh đế gọi là chánh tinh tấn. Tâm không lay động lầm lỗi, ngay thẳng không quên, gọi là chánh niệm. Chánh trụ quyết định gọi là chánh định, nhờ tám Chánh đạo này mà được nhập lý. Đại kinh chép: Nếu tu tám Chánh đạo thì được đề hồ. Như vậy đạo phẩm chẳng phải đối vị, chỉ đối với sơ tâm quán lý pháp tánh thì được đầy đủ. Đại luận chép: Bốn Niệm xứ trong bốn thứ tinh tấn gọi là bốn Chánh cần, bốn thứ định tâm gọi là bốn Như ý túc, năm gốc lành sinh gọi là Căn, Căn thêm lớn mạnh gọi là Lực, phân biệt đạo dụng bốn Niệm xứ gọi là giác, bốn Niệm xứ an ổn đạo trung hành gọi là tám Chánh đạo. Cho nên biết hàng Sơ tâm hành đạo dụng ba mươi bảy phẩm, điều dưỡng Chỉ Quán bốn thứ Tam-muội nhập giai vị Bồ-tát, đạo phẩm như thế là gần nhân đại Niết-bàn, các đạo phẩm khác là nhân xa v.v... Nay dùng thí dụ hiển bày nghĩa này, gieo giống xuống đất hạt giống bắt đầu nảy mầm, gốc rễ đâm chồi xuống thì cành lá sẽ tỏa khắp lên, hoa kia tươi tốt kết thành quả trái. Pháp tánh pháp giới là mặt đất, quán niệm xứ là hạt giống, bốn Chánh cần như nảy mầm, năm căn như sinh rễ, năm Lực như cành lá thêm lớn mạnh, bảy Giác như nở hoa, tám Chánh như kết quả. Kết quả ấy: Tức là nhập đồng luân vị, chứng vô sinh nhẫn, cũng gọi là đến đảo châu báu, cũng gọi là nhập bí tạng, gọi là đắc đề hồ, cũng gọi thấy Phật tánh, cũng gọi Pháp thân hiển tám tướng thành Phật. Đạo phẩm khéo hiểu biết, do đó thành Chánh giác là nghĩa này. Nếu giải thích theo thông thường về cây đạo, như Đại phẩm nêu rõ, lìa ba đường ác gọi là lá ích, được thân ở cõi trời người gọi là hoa ích, được bốn đạo quả gọi là quả ích, ở đây chỉ y cứ vào không để giải thích. Thoát khỏi địa vị Nhị thừa là lá ích, thân được thân thông biến hóa là hoa ích, đầy đủ trí đạo chủng là quả ích, ở đây chỉ y cứ giả để giải thích. Tránh khỏi sự trói buộc hai bên là lá ích, thọ pháp tánh thân là hoa ích, chứng nhập Phật tánh là quả ích, ở đây chỉ y cứ theo trung để giải thích. Nếu y cứ chung ba quán thì tức

không gọi là lá ích, tức giả là hoa ích, tức trung là quả ích, v.v...

Lại nữa, thực hành ba mươi bảy đạo phẩm sẽ đạt thành vô lậu, bờ cõi ấy có ba cửa, nếu vào cửa này liền được phát chân, nghĩa là không, vô tướng, vô tác môn, cũng gọi ba môn giải thoát, cũng gọi Ba Tam-muội. Nếu từ chánh kiến, chánh tư duy, nhập định từ định, phát sinh vô lậu, thì chánh kiến trí gọi là Đại thần, chánh định là Đại vương, từ đây được tên gọi là Ba Tam-muội, phi trí phi thuyên là ý này. Nếu do chánh định sinh chánh kiến, từ chánh kiến phát vô lậu, vậy thì chánh định là Đại thần, trí tuệ là Đại vương, từ đây được tên gọi là Ba giải thoát, phi thiên phi trí tức là ý này. Hoặc có thể Tam-muội là phục đạo, giải thoát là đoạn đạo, hoặc có thể định tuệ hợp một, Tam-muội tức giải thoát, giải thoát tức Tam-muội. Nếu Tam tạng dùng khổ trở xuống không vô ngã là không môn, diệt trở xuống bốn hành là vô tướng môn, tập đạo trở xuống tám hành khổ trở xuống hai hành là vô tác môn, đây là mười sáu hành vương thân v.v... Nếu Thông giáo nêu rõ khổ tập đều như huyền hóa tức không môn. Thích Luận xưa vốn giải thích rằng: Nếu quán sắc cực vi thì có mười tám không; trùng điệp là giả danh, cực vi là thật pháp, do đó nên khác, nếu hiểu được ý này thì giả thật đều không, nếu chưa nhập không, tình tưởng hý luận, chấp có tướng không, biết không chẳng có tướng không gọi là vô tướng môn, không tướng tuy không mà còn chấp quán trí, đã không năng sở thì ai tạo không quán, đó gọi là Vô tác môn. Đã vô tác thì ai khởi nguyện cầu, cũng gọi vô nguyện, đây là Ba Tam-muội vương thân v.v... Nếu Biệt giáo nói từ giả nhập không chứng chân đế, gọi là không Tam-muội, hàng Nhị thừa chỉ chứng không này còn có tướng không, Bồ-tát biết không chẳng phải không, xuất giả hóa vật không còn tướng không, đó gọi là Vô tướng Tam-muội. Tiếntu Trung đạo không có tướng trung biên, cũng không cầu trung biên, gọi là Vô tác Tam-muội, đây là tam quán trí vương thân,... lại nữa, riêng y cứ vào ý xuất giả, phân biệt vô lượng thuốc, bệnh, đều là giả danh, giả danh không thật, không thật cho nên không, đó gọi là Không môn. Không còn không có tướng không, huống chi có giả tướng, cho nên gọi Vô tướng môn, không giả vô tướng cũng không nguyện cầu, biết bệnh biết thuốc, cho nên gọi Vô nguyện, đây là xuất giả trí vương thân. Riêng y cứ vào viên: Danh tuy đồng ý trước mà nghĩa thì khác xa. Đại luận chép: Thanh văn duyên Không, tu ba giải thoát, Bồ-tát duyên thật tướng các pháp, tu ba giải thoát, người trí thấy không và bất không, không và bất không này cũng gọi là Trung đạo, nếu thấy Không này tức

thấy được Phật tánh. Lại nữa, hàng Nhị thừa quán mười tám việc trong mộng, việc trong mộng không thể được gọi là nội pháp không, việc ngoài mộng không thể gọi là ngoại pháp không, cho đến trong mộng có mười tám việc không thể được gọi là mười tám Không. Nay Viên quán miên pháp (ngủ) không thật có, không có nội pháp, từ miên sinh ra tất cả nội pháp đều không thật có gọi là nội pháp không, tất cả pháp đều hưởng đến nội không này; miên không có ngoại pháp, từ miên sinh ra tất cả ngoại pháp không thật có, tức ngoại pháp không, tất cả pháp đều hưởng đến ngoại không này cho đến miên pháp có mười tám thứ không thật có gọi là mười tám Không, chỉ là một không. Kinh Phương Đẳng chép: Đại không, Tiểu không đều quy về một Không, một Không tức pháp tánh thật tướng thật pháp của các Đức Phật, Đại phẩm nói là Độc không. Không thấy tướng bốn môn phân biệt, phi duyên phi chân, không ai tạo tác, tất cả pháp cũng như vậy. Phải biết một giải thoát môn tức ba giải thoát môn, ba giải thoát môn tức một giải thoát môn, lại trong bốn môn đều tu ba giải thoát, xen nhau không ngăn ngại, ba môn này ý chẳng theo thứ lớp, biệt tuy có thứ lớp song đều duyên thật tướng, lại khác với Thông giáo, Thông duyên lý không, lại khác Tam tạng, Tam tạng duyên trí bốn Đế, cho nên biết ba giải thoát và đạo phẩm mỗi tiết có khác, cần phải khéo hiểu biết. Lại nữa, kinh Hoa Nghiêm: “Mặt trời mới mọc chiếu trên đỉnh núi” thiên nhiều về bốn tươi, lộc uyển Tam tạng thiên nhiều về bốn khô, Phương đẳng Bát-nhã phần lớn đều hòa khô để nhập tươi, dẫn Tiểu thừa mà quy về Đại thừa. Hạc lâm thi thiết giáo hóa đã đủ ở nơi vinh khô, trung gian mà nhập Niết-bàn, vì chúng sinh rất độn căn khó giáo hóa mà đến song thọ, mới hoàn tất công phu, hàng lợi căn sáng suốt được liễu ngộ, nơi nơi đắc nhập, như Thân Tử trong kinh Pháp Hoa nhập bí mật tạng, được thấy Phật tánh, do đó Niết-bàn xa chỉ tám ngàn vị Thanh văn trong Kinh Pháp Hoa được thọ ký thành Phật, như mùa thu thu thâu hoạch, mùa đông cho vào kho, không còn làm gì, một phen thi thiết giáo hóa đây sớm được hoàn tất, không đợi Niết-bàn. Lại noi rằng ai có thể trang nghiêm Ta-la song thọ, liền nêu nhóm ngoài Xá-lợi-phất sáu vị. Lại riêng nêu Như Lai, hoặc thấy Phật tánh có thể trang nghiêm song thọ, ở trung gian kia mà nhập Niết-bàn. Nhóm Thân tử sáu vị đã có thể trang nghiêm, sao không thấy Phật tánh ở trung gian kia nhập Niết-bàn! Hàng Thanh văn còn như vậy, các Bồ-tát v.v... mỗi chỗ được nhập, nghĩa kia có thể biết. Nếu nhập Niết-bàn thành năm giải thoát, chẳng tức là sáu pháp, chẳng lìa sáu pháp, là ý ba Phật tánh...

**7. Trợ đạo đối trị:** Thích luận chép: Ba Tam-muội lấy tất cả Tam-muội làm gốc. Nếu nhập ba Tam-muội có thể thành bốn thứ Tam-muội, hàng lợi căn không bị ngăn chướng, dễ nhập ao mát mẻ, không cần đối trị, hàng lợi căn có ngăn ngại chỉ chuyên tu ba giải thoát, ngăn không thể làm chướng ngại cũng không cần trợ đạo. Hàng độn căn không ngăn chỉ dùng đạo phẩm điều thích, tức có khả năng chuyển độn căn thành lợi căn, cũng không cần trợ đạo, độn căn bị ngăn chướng nặng, do căn độn nên không thể mở ngay ba cửa giải thoát, do ngăn chướng nặng cho nên kéo theo phá quán tâm, do vì nghĩa ấy cho nên cần phải trị đạo, đối phá ngăn chướng thì được an ổn nhập ba giải thoát môn, đạo luận gọi các sự đối trị ấy là trợ khai pháp môn, tức là ý này. Bậc Thánh Sơ quả vô lậu lợi căn thấy lý rõ ràng, trong sự phiền não còn có ngăn chướng không gọi là thiện nhân, quả Tư-đà-hàm xâm tổn năm hạ phần cũng chẳng phải thiện nhân, tuy chẳng phải thiện nhân nhưng thật chẳng phải phàm phu. Nếu bậc thế trí dứt hoặc, tuy không có sự chướng nhưng thật chẳng phải bậc Thánh, hai hạng người này còn phải trợ đạo, hướng chỉ căn độn chướng nặng mà không tu đối trị thì làm sao được nhập. Trợ đạo vô lượng, trong ý thông bất ở trước y cứ vào sáu tế nói về sự ngăn chướng nên dùng sáu Độ mà trị để nói về trợ đạo, nếu người tu bốn Tam-muội đạo phẩm điều thích, cửa giải thoát không mở mà san tham bỗng khởi, kích động quán tâm đối với thân mạng, tài vật ôm giữ chặt. Lại tham tưởng giác duyên nên dục niệm sinh, tuy có tác ý ngăn dừng mà san tham càng sinh, vậy thì phải dùng đàn xả để trị, khi tu Tam-muội thì tâm phá giới chột khởi, oai nghi thô tháo không còn giữ gìn, thân miệng trái ngược, xúc phạm chế độ, giới cấm thanh tịnh không giữ, Tam-muội khó phát sinh, vậy thì phải dùng thi-la mà trị. Khi tu Tam-muội thì sân nhuế ngã nghịch giận dữ, thường sinh phần hận, ác khẩu hai lưỡi tranh chấp phải trái, độc này làm chướng Tam-muội, vậy thì phải tu nhẫn mà trị. Tu Tam-muội thì buông lung biếng nhác, thân miệng ý phóng túng, buông thả tự do thành thói quen, không biết hổ thẹn, không thể tiết chế, như dùi lửa chưa nóng mà thường nghỉ hạng người làm việc lỗ mãng còn không phân biệt việc đời, hướng chỉ là Tam-muội môn, vậy thì nên dùng tinh tấn để đối trị. Tu Tam-muội thì tán loạn bất định, thân như lạc lỏng một mình, miệng như ếch mùa xuân, tâm như đèn trước gió, do tán loạn buông lung cho nên pháp chẳng hiện tiền, cho nên phải dùng thiền định để trị. Tu Tam-muội thì ngu si mê hoặc, chấp trước đoạn thường, cho rằng có nhân, ngã, chúng sinh, thọ mạng, gặp việc xoay mặt vào vách, tiến thối thường mắc sai lầm, không xứng là người có



danh vọng trong xã hội, toan tính nghề vực, tướng đen đúa bướng bỉnh vụng về chẳng có trí, phải dùng trí tuệ để trị. Các điều che lấp tâm cũng có dày mỏng, mỏng thì tâm động nhưng thân miệng chưa hẳn động, dày thì thân miệng động mà tâm sẽ động trước, bệnh trong đã mạnh thì sẽ hiện tướng bên ngoài, nếu dùng đối trị được bỏ thì bệnh sẽ thích hợp, nếu đối trị không dứt thì sẽ nương vào bốn tùy hồi chuyển trợ đạo, như trị bệnh san tham, hoặc thích tu đàn, hoặc không thích tu đàn, hoặc tâm lành sinh, hoặc tâm lành không sinh, hoặc tu đàn bị san phá hoặc không phá, hoặc tu đàn trợ khai, hoặc không khai, phải khéo léo châm chước, hoặc đối hoặc chuyển, hoặc bao gồm, hoặc Đệ nhất nghĩa v.v... Tu các thứ khác để đối trị cũng giống như vậy. Đối với trợ sáu Độ chỉ làm một việc giải thích không thể trợ đạo, phải quán trợ này bất tư nghì thâm nhiếp tất cả pháp, như ở sau nói.

Hoặc nói: Nói sáu là Thông giáo, nói mười là Thông tông, ở đây không phải như vậy. Đại kinh nói sáu Độ là Phật tánh. Đại phẩm nói là Ma-ha-diễn. Một độ còn thâm nhiếp các pháp hướng chi sáu Độ ư? Nếu ý được khai hợp thì không có sự bỏ hay chọn, như thiên có nguyện trí lực khai xuất nên chỉ ba-la-mật, có thần thông lực khai xuất bà-la ba-la-mật định giữ thiên độ. Bát-nhã có trí đạo chủng khai xuất ầu-hòa câu-xá-la. Lại có nhất thiết chủng trí khai xuất xà-na ba-la-mật; nhất thiết trí giữ gìn tên gọi vốn thọ Bát-nhã, ly thì gọi mười, tóm lại tức là sáu, đâu được dùng rộng lược mà phê phán Đại Tiểu ư? Nay nói sáu Độ trợ đạo thâm nhiếp hết các pháp, lược nói thâm nhiếp các đạo phẩm, điều phục sáu căn, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, sáu Thông ba minh, bốn Nhiếp, bốn Biện, Đà-la-ni, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp v.v... và tất cả pháp. Thế nào là thâm nhiếp các đạo phẩm? Trong các đạo phẩm đều có xả giác phần, chính là Đàn nhiếp, nếu Tam tạng xả giác phần, tuy không nhập lý, cũng là xả thân mạng tài. Đại luận chép: Từ, Bi, Hỷ đối với chúng sinh có lợi ích, Xả lợi ích gì? Xả có đủ sáu Độ, rộng làm lợi ích chúng sinh, đó gọi là đại ích. Lại xả như dầu béo có công năng làm tăng thêm sự sáng suốt của năm độ cho nên biết đàn độ thâm nhiếp xả giác phần. Nếu Thông giáo xả giác phần xả thân mạng tài, như huyễn như hóa ba việc đều không, xả giác phần này cũng thuộc về đàn độ; hoặc Biệt giáo xả giác phần xả thân mạng tài trung vô tri, xả này cũng thuộc về đàn độ; nếu Viên giáo xả giác phần, xả sắc thân trong mười tám giới, xả mạng trong mười pháp giới giữ gìn nối nhau, xả y báo mười pháp giới, như vậy thân mạng tài đều không nhập hai bên. Vì sao? Vì tài là sáu trần, hoặc chấp sáu trần có thể xả, có

người đối diện có thể cho, thân mình có thể bố thí, bố thí như vậy thì nhập sáu trần hữu biên, nếu ba việc đều không thì rơi vào vô biên. Nay quán tài tức không, không nhập hữu, quán tài tức giả, không nhập không, xả cửa không hai và mé sau của sinh tử, v.v... lìa già bệnh chết thường trụ bất hoại, hữu biên là sinh tử thuộc bờ trước, không biên là Niết-bàn thuộc bờ sau, cả hai đều không, đều chẳng thật có, nên gọi là đẳng. Lìa già chết: Bờ trước không cho nên lìa phần đoạn già chết, bờ sau không cho nên lìa biến dịch già chết, hai món sinh tử thoát khỏi hẳn cho nên nói lìa. Được thường trụ bất hoại tức là Trung đạo pháp tánh, là thầy của các Đức Phật, do pháp thường cho nên các Đức Phật cũng thường, tài vật thường trụ này không thể tổn hại, thân thường trụ không thể trói buộc, mạng thường trụ không thể đoạn diệt, thành tựu rốt ráo Đản ba-la-mật để tự trang nghiêm, cho nên Kim cương Bát-nhã chép: Đầu hôm, nửa đêm, gần sáng đều dùng Hằng hà sa thân bố thí không bằng thọ trì Kinh Bát-nhã một bài kệ bốn câu, phải biết lý quán viên xả mới phù hợp với đạo phẩm, thuộc về đản độ. Đạo phẩm xả giác phần lý quán như thế sâu xa nhiệm mầu mà không còn sự hành, sự trong Tam tạng bố thí hùng mạnh, khoét thân làm đèn cứu giúp quốc thành vợ con mà lý quán hoàn toàn không có chút mảy may, cả hai đều có lỗi. Nay nói sự đản giúp phá san che lấp tinh tấn thành lý quán, đầu thể lìa nhau, nếu người tuy hiểu quán thật tướng viên xả, võ bụng nói về bước đi, khắc phục việc keo kiệt, giữ gìn bảo vệ tài vật, mảy may không bỏ, lời lẽ kiêng nể lao nhọc khổ sở gọi là sức mạnh của bấp thịch, không thể khuất phục mình thành người khác, tham tiếc thọ mạng đâu thể tránh chết nhường sống, gặp việc thì bần sần, lặng lẽ bất động, chỉ hiểu vô hành, che lấp nhiều lớp như vậy nhờ đâu mà phá được, ba cửa giải thoát nhờ đâu mở được. Nay ở nơi đạo tràng hết lòng sám hối, sinh tâm quyết định, khởi đại thệ nguyện xả thân mạng tài sản, quyết không luyến tiếc, tự thực hành đản này lại đem chỉ bảo người khác, khen ngợi pháp đản, tủy hỷ đản, lập thệ nguyện này rồi được các Đức Phật mười phương chứng minh cứu giúp, nếu tâm chân thật không dối trá thì có thể cảm đến Như Lai phát ra ánh sáng đản chiếu soi trừ diệt san tham che lấp. Kinh Tư Ích chép: Do bị ánh sáng che lấp cho nên với các đạo phẩm tương ứng xả giác, phải giải thích nêu ra rõ ràng. Sự lý đã viên nên đản xả rốt ráo, tài đồng với phân đất, thân sánh đồ đựng chất độc, mạng như mây trôi, bỏ ba độc như đồ khạc nhổ. San chướng đã phá, thành nghĩa trị đạo liền được giải thoát, nếu không có nhân duyên ký thác nơi hành đạo thì nên có lợi ích xả bỏ như bỏ hạt cải, đó gọi là đầu sự giúp tăng

ánh sáng đạo, khai mở ba cửa giải thoát thấy được Phật tánh. Nếu không thể như vậy thì không có lợi ích trợ trị, nếu tu như trên thì sẽ đắc ngộ, dù cho không ngộ cũng có thể tự tư duy lý quán đạo phẩm. Có chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, đây thuộc về Thi-la, như Tam tạng chánh nghiệp v.v... mới là cẩn thận giữ gìn oai nghi, không phá hoại, không thiếu khuyết, không xuyên tạc, không lẫn lộn, chánh nghiệp của Thông giáo v.v... không được thân miệng, ngay nơi sự là chân, mới là giới tùy đạo, không chấp trước. Chánh niệm của Biệt giáo v.v... được người trí khen ngợi, tự tại..., chánh nghiệp của Viên giáo v.v... đều quán pháp tánh, tức là giới cụ túc, v.v... Kinh Tịnh Danh chép: Kia có thể như đây, đó gọi là vâng theo luật, tức là ý này. Giới lý quán tức là tâm mà đầy đủ, tuy hiểu như thế nhưng thân miệng thường thiếu sót, hoặc nay sinh thô xằng, hoặc đời trước ngăn chướng chưa được sám hối, che lấp ngã Tam-muội, cửa giải thoát không mở, tư duy việc đã qua tự sẽ rất thương xót, sinh ra sự sửa đổi, từ hôm nay bắt đầu dứt tâm nối nhau, thệ nguyện giữ gìn giới cấm không để tí vết lỗi lầm, giữ gìn yêu tiếc như giữ phao nổi, không bao giờ vì toàn thân mạng mà tổn hại giới. Ròng dữ lột da vận chuyển bầy kiến qua sông, vua Tu-đà-ma mất nước mà được bài kệ, tự giữ giới giáo hóa người khác, khen ngợi pháp, khen ngợi giới, đại thệ bất động, xưng tán danh hiệu Phật, được Phật chứng minh cứu giúp. Tâm thành khẩn cảm đến Phật, phát ra ánh sáng tịnh giới, có thể khiến cho người hủy cấm tịnh giới xúc chạm ánh sáng ấy mà tội hai đời tự tiêu diệt, liền tương ứng với lý quán chánh nghiệp, mỗi mỗi phải giải thích nêu ra. Sự lý đã viên mãn, giữ giới rốt ráo, nhập ba giải thoát môn, thấy được Phật tánh, đó gọi là dầu trợ để giúp thêm ánh sáng đạo. Tu giới như trên mà nếu không nhập thì phải tư duy các đạo phẩm ấy, đều có niệm căn, niệm lực, niệm giác phần, chánh niệm v.v... Tức là Nghĩa nhãn, thuộc về sần-đê. Hoặc Tam tạng chánh niệm v.v... là Phục nhãn, Thông giáo chánh niệm v.v... là Nhu thuận nhãn, Biệt giáo chánh niệm v.v... là vô sinh nhãn, Viên giáo chánh niệm v.v... là Tịch diệt nhãn. Nếu niệm lực người mạnh mẽ thì giặc sân nhuế không thể xâm nhập, nếu được nhập thì hoặc nhân vô niệm, hoặc niệm không mạnh nên sân tộ sinh khởi, hoặc đời này khởi, hoặc đời trước khởi, hoặc sân đồng hành ngoại hộ, hoặc sân hiện sự việc, hoặc theo đuổi duyên cơ hiềm đời trước, hoặc ban đầu khởi chút ít vụn vặt, hoặc mới đầu liền khởi mạnh mẽ. Nếu buông lung sân độc, trút hết không còn sót thì dù không tự tại, như rắn tự cắn mình, sân chướng trăm ngàn pháp môn đâu được tự ý buông lung mà không quả trách. Nếu biết chỉ có lý giải, chưa có sức

nhẫn, đã biết là mình sinh tâm sửa đổi, phát đại thệ nguyện, thấp như sông biển, các thứ ô uế tụ lại, chịu khuất phục như chiếc cầu bị người ngựa dẫm đạp, sẽ nhẫn chịu khổ nhọc như ụ đất để tập bắn các mũi tên, không hận không oán như Phú-lâu-na bị mắng nhiếc, thoát khỏi đánh đập, cho đến cầm dao chém để được mau diệt, không tội mà não hại thì sức nhẫn càng mạnh, như chùi vàng lau gương, vị tiên Sần-đề mạnh yếu đều an, tự mình chịu nhẫn, giáo hóa người khác, khen pháp khen người, đại thệ bất động, được các Đức Phật trong mười phương chứng minh cứu giúp, Đức Phật phát ra ánh sáng nhẫn làm cho tội sân chướng nặng hai đời tiêu diệt, được tương ứng với các niệm lý sự, đối với các cảnh trái ngược sức nhẫn đầy đủ, đó gọi là dầu sự trợ giúp cho đạo thêm sáng . Nếu tu như trên mà không nhập thì phải tư duy bốn thứ đạo phẩm, mỗi đạo phẩm đều có tám thứ tinh tấn, thuộc về Tỳ-lê-da. Đại Luận chép: Ba thứ trước dễ thành không cần tinh tấn, hai thứ sau khó thành nên phải tinh tấn, vì tinh tấn cho nên đắc Tam-bồ-đề. Ngài A-nan nói Phật Tinh tấn giác liền đứng dậy khỏi tòa, như biển đại bố thí mới có thể tương ứng, mà nay buông lung dựa dẫm, quên mất bốn tâm, không còn năng lực tinh tấn, tuy ở trong đạo tràng nhưng xen tạp các ác giác cũng gọi là ô uế, mặt trời không như mặt trời thì gọi là lui sụt, lui sụt thì chẳng phải tiến, ô thì chẳng phải tinh, làm sao khế hợp với lý, hoặc đời trước biếng nhác, tội chướng che lấp tâm, như lỗ mũi không có móc câu, say cuồng vượt chạy. Đầu hôm, nửa đêm, đến gần sáng không khắc chế bản thân mình mà còn sinh tâm cạnh tranh đổi thay kéo dài qua ngày tháng, phải phát thệ nguyện, khắc cốt ghi tâm, thân mạng hiến dâng cho đạo, nghĩ cái chết trước mắt, thân mạng mà từ vô lượng kiếp đến nay luống về thương mến luyến tiếc. Nay cầu Tam-muội quyết định nên bỏ, từ đêm đến ngày quở trách lỗi lầm, thật hành pháp không biếng nhác, thân ngồi ngay thẳng, không còn chất vấn tâm, làm khổ tâm, dù có bệnh khổ não cũng không cho là hoạn nạn, một đời luống trải qua, nhiều kiếp không dừng nghỉ, tự mình tin tấn, giáo hóa chúng sinh, khen ngợi thuốc pháp, các Đức Phật mười phương chứng minh cứu giúp, cảm Phật phát ra ánh sáng, tương ứng với tám tinh tấn lý quán. Hoặc tương ứng với Tam tạng, tức thành sinh sinh tinh tấn, tương ứng với Thông giáo, tức thành sinh bất sinh tinh tấn, tương ứng với Biệt giáo, tức thành bất sinh bất sinh tinh tấn mạnh mẽ, mở cửa Niết-bàn, thấy được Phật tánh, đó gọi là dầu sự giúp cho đạo thêm sáng, tinh tấn có thông thể, biệt thể v.v... Nếu tinh tấn như trên mà không được ngộ thì phải tự tư duy lý quán đạo

phẩm, mỗi đạo phẩm có tám định, thuộc về thiền độ. Chỉ là giải tâm, thật chưa chứng đắc, tuy nói căn bản sự nhất định không thành, cho đến tuy nói vô tác nhưng định Thủ-lăng-nghiêm không thành, nếu không định thì đất bằng nghiêng ngửa, hoặc hai đời tán động, Tam-muội không mở, do nghĩa này cho nên quả quyết đầu hôm, nửa đêm, gần sáng thân ngay ngắn, tâm vắng lặng, thì bao nhiêu tà tướng mỗi một khổ sở nếu có khởi sẽ mau diệt sạch, tự mình thiền định và giáo hóa chúng sinh, khen ngợi pháp, đại thế bất động, khi sắp qua đời biết trước thời hạn, cho đến đời sau không chứng không chỉ, gọi các Đức Phật mười phương là Minh, là Cứu, cảm đến Phật phát ra ánh sáng định, phá sạch bao sự tán động ngăn che, sự thiền khai phát, tương ứng với tứ quán, Đại luận giải thích Thiền độ trước hết nêu bày các pháp thiền, kể đến nói rõ vô sở đắc, hiển bày tướng ba-la-mật, sau cùng giải thích rộng chín tướng tám niệm v.v... đều ở trong thiền khai xuất ra, các pháp thiền rất nhiều, ở đây chỉ lấy năm môn làm trợ đạo. Nếu thiền tư thì tâm nhiều giác quán, duyên khắp ba độc, phải dùng sở tức mà trị, nếu sở tức không thành thì biết tâm đi, tâm đi tức phải truy tìm trở lại, từ ban đầu lại quán sở tức, đề phòng tán động buộc tâm này lại để dễ trị, do tâm được an trụ nên phát sinh định cõi Dục cho đến bảy y định đều có thể nhập. Nếu không chứng đắc phương tiện Bát-nhã thì thành pháp phàm phu, nếu đắc phương tiện thì thành Ma-ha-diễn. Cho nên kinh Thỉnh Quán Âm chép: Nếu quán sở tức mà tâm định thì lỗ chân lông thấy Phật trụ, Thủ-lăng-nghiêm được không lui sụt đó gọi là sở tức khai giải thoát môn, tức tương ứng với tam tạng giáo tám định, cho đến tương ứng với vô tác tám định, đó gọi là đầu sự giúp đạo thêm sáng. Nếu duyên nữ sắc, đam mê đắm chìm, mê hoặc chấp trước không xa lìa thì phải dùng quán bất tịnh để đối trị, quán tướng người thương yêu mới chết, ngôn ngữ thích hợp gần gũi, chợt liền bỏ đi, thân lạnh sắc biến, trùng mủ chảy ra, bất tịnh hôi hám, đầy dẫy khắp nơi, người ta chôn xuống mộ, lâu ngày như gỗ mục, xưa thì nặng tình thương mến, nay sao lại thấy ô ố, khiến ta thấy lo lắng âu sầu, đã hiểu biết rõ lỗi của dục, tâm dâm liền dứt, tám tướng còn lại cũng trị dâm dục. Đại luận chép: Người nặng về dâm dạy họ quán chín tướng. Đối với duyên không tự tại thì khiến họ quán bối xả, duyên không rộng khắp thì dạy quán trống xứ, không thể chuyển biến dạy quán thứ mười nhất thiết xứ, nếu có sợ hãi thì dạy tu tám niệm, đều dùng quán bất tịnh làm môn ban đầu, trị được lửa dâm, mở cửa giải thoát, tương ứng với bốn thứ tám định, đó gọi là đầu giúp đạo thêm sáng v.v... Nếu phan duyên sân nhuế thì phải dùng từ tâm mà trị, nhẫn độ trên là thông trị, nay

y cứ riêng vào tâm từ vô lượng, ba tâm còn lại hoặc là lạc dục v.v... Bị vô lượng làm đối trị: Duyên theo nỗi khổ của chúng sinh, khởi tâm thương xót muốn cứu họ ra khỏi chỗ kia, duyên tâm này nhập định, tương ứng với tâm bi. Từ là tướng chúng sinh được vui, duyên tâm này nhập, tương ứng với từ định. Hỷ tâm là tướng chúng sinh được vui, sinh rất vui mừng, duyên tâm này nhập, tương ứng với hỷ định. Xả tâm là xả bỏ sự yêu ghét, tướng an trụ nơi bình đẳng quán, duyên tâm này nhập, tương ứng với xả định. Đắc bốn định này thì đối với chúng sinh sân không từ đâu sinh, đoạn dưới lại nói rộng. Nếu phan duyên tà đảo phải dùng nhân duyên quán mà trị, luận Tỳ-đàm dùng cõi phương tiện phá ngã. Nay dùng nhân duyên phá ngã, ba đời phá đoạn thường, hai đời phá ngã, nhất niệm phá tánh, nếu định này thành thì tương ứng với lý quán, giúp mở cửa Niết-bàn. Nếu ngu ngỗ làm ngăn chướng đạo tội khởi, thì dùng niệm Phật quán để trị, duyên vào tướng mà vô tướng của ứng thân Phật, duyên tướng rõ ràng, phá tội chướng đạo, thấy các Đức Phật mười phương, tương ứng với lý quán, mở cửa Niết-bàn. Nếu tu như trên mà không nhập, hoặc chẳng phải thích hợp với kia thì phải tự tư duy, trong lý quán đầy đủ bốn Niệm xứ, tuệ căn, tuệ lực, trạch hỷ, giác phần, chánh kiến, chánh tư duy, mười pháp này thuộc về Trí độ. Đây là lý quán, ở đây giải thích không rõ ràng, do hai đời ngu si mê muội hôn trầm ngăn che sự tinh tấn cho nên khiến Tam-muội không hiển bày, cần phải sửa đổi, phát thệ nguyện lớn khiến cho sự quán rõ ràng phá bốn thứ điên đảo. Quan sát kỹ càng thân này từ đầu đến chân chỉ là hạt giống bất tịnh, cho đến rớt ráo năm thứ bất tịnh, có chỗ nói rằng thân này là di thể của người khác, nước đàm, nước mắt hai thứ đỏ trắng, cặn đục hòa hợp, ký thác phân biệt ở trong đó để làm thể chất, đó gọi là hạt giống bất tịnh, nằm giữa hai tạng uế trước thối khắp, chột buộc chột chán, hoặc nóng hoặc lạnh, bảy ngày chuyển biến một lần, mười tháng ôm ấp trong lòng, hoặc sáu lần phồng lên mới thành tựu tình tướng đầy đủ, ngày tháng đã đủ mới chuyển hưởng xuống sản môn. Đại luận chép: Thân này chẳng phải hóa sinh, cũng chẳng phải hoa sen sinh, chỉ từ âm đạo sinh ra, chỗ này hèn hạ thấp kém, đó gọi là trụ xứ bất tịnh, đã sinh ra rồi nằm trên phân uế, bú mớm mới nuôi dưỡng từ nhỏ đến lớn, tai chứa phân, mắt chảy ghèn, lỗ mũi thường chảy mủ, nơi miệng thường hôi thúi, đầu chứa nhiều lớp bụi dơ như phân bùn uế, đùi vết rách mồ hôi chảy ra như bệnh lậu rỉ nước dãi, đắp mặt y phục che thân thể như xoa dầu, đó gọi là tự tướng bất tịnh, trong đó chứa nhóm đủ loại phân, nước dãi, máu mủ, mỡ, tủy, v.v... ruột non ruột già màng óc, gân chằng



chịt, máu huyết phơi bày hôi hám, đầy trùng rút rĩa, thầy chết này rửa hết nước biển cũng không thể sạch. Luận chép: Thân này chẳng phải như núi Ma-la-diên, có khả năng sản xuất ra chiêm-đàn, từ nhỏ đến lớn tánh nó bất định, thí như phân uest nhiều ít gì cũng hôi, đó gọi là tự tánh bất tịnh, một khi qua đời tạm gá trở về chỗ cũ, gió qua lửa lạnh đất hoại nước chảy, trùng an chim mổ, đây tay chia lìa chảy đầy bên ngoài, khoảng cách ba hay năm dặm ngược gió nghe hơi hôi tanh thúi xông vào mũi người, màu sắc máu ứ đọng lại làm ô uest mắt mọi người, mùi hôi dữ dội như chó chết, đó gọi là rớt ráo bất tịnh. Năm thứ như vậy đều là thật quán chẳng được giải quán, sao lại chấp đó là tịnh, ưa mắt áo đẹp ăn ngon, bảo vệ nuôi dưỡng, xoa đầu lau cổ bảo vệ săn sóc thân độc này, thí như phân nhỏ của bò hung để trứng, người cũng như vậy, yêu trọng thân này đến chết không nhàm chán, không thể chối bỏ, nuôi dưỡng thân này cho nên tạo các thứ tội lỗi. Nếu biết tội lỗi từ đầu đến cuối đều bất tịnh thì có phá được tịnh đảo, nên biết do bốn đại thành nhân, hai trên hai dưới chống trái lẫn nhau, đất ngăn nước, nước làm thối đất, gió làm tan đất, đất ngăn gió, nước diệt lửa, lửa nấu nước, lại xâm tổn lẫn nhau, như chiếc rương nhỏ đựng bốn con rắn, như mụn nhọt bị mũi tên đâm thường tự đau khổ, có gì đáng vui, lại bị đói khát nóng lạnh, roi quất đánh đá trời buộc, sinh già bệnh chết, đó gọi là khổ khổ, bốn đại xâm lấn, phá hoại lẫn nhau, đó gọi là hoại khổ, niệm niệm như dòng lửa bốc cháy gọi là hành khổ, đối với các sự khổ ấy lại tưởng là vui, nếu thấy tướng khổ rõ ràng như mụn nhọt bị cây gai đâm, tất cả mọi nơi thường đau khổ, không đối với thân này sinh một niệm lạc đảo. Lại nữa, phải quán các nghiệp thiện ác vô minh trong quá khứ, sai khiến trời buộc, tâm thức bức ép vào thai ngục, như chim bị nhốt trong lồng có muốn bay đi cũng không được, tâm thức cũng giống như vậy. Lồng bằng bốn đại, trời buộc do sợi dây, tâm ở trong lồng sắc, không chỗ nào không đến, dây nghiệp chưa cắt đứt thì lại trở lại, phá lồng đứt dây thì đi không trở lại, lồng trống mà còn, đây hoại kia thành, ra khỏi lồng vào trong lồng, ẩn hoại văn thành, không một niệm dừng trụ. Lại hơi gió nường vào thân gọi là hơi thở ra vào, hơi thở này biến đổi, thở ra không bảo đảm thở vào. Luận Tỳ-đàm chép: Mạng là pháp chẳng phải sắc, chẳng phải tâm. Kinh Đại Tập chép: Hơi thở ra vào gọi là thọ mạng, một hơi thở ra mà không trở vào gọi là mạng chung. Có Tỳ-kheo bạch Phật: Không giữ gìn bảo đảm bảy ngày, cho đến không bảo đảm hơi thở ra vào! Phật dạy: Lành thay! Khéo tu vô thường. Lại quán các nghiệp cũng như kẻ thù, như quạ giành mồi. Kinh dạy: Sát-na tạo tội, khởi ác,

sẽ đọa vào địa ngục Vô gián. Hối thúc thời tiết còn thành nghiệp nặng, hưởng chi đê mê dài ác niệm, nghiệp thì vô biên, nghiệp như oán trách, thường tìm dịp hại người, hoặc chánh bồi thường sự oán trách này các nghiệp khác không kéo lôi, bồi thường chút ít sắp hết, các nghiệp khác tranh nhau trói buộc, đi ở không kỳ hạn, quỷ vô thường giết hại không chọn người hiền, nguy hiểm không vững chắc, khó có thể cậy nhờ, làm sao mà an nhiên trông mong trăm năm, tìm kiếm khắp bốn phương cất chứa thu góp, cất chứa thu góp chưa đủ cho lâu dài về sau, tất cả của cải luống nhờ người khác mà có, tối tăm mờ mịt đến chết, còn có ai mà dò tìm phải quấy. Nếu người xuất gia có trí tuệ hiểu biết sâu xa, hoặc tinh tấn diệt hỏa mà không ngộ vô thường. Ngạn ngữ nói: Đáng thương người không có năm sắc đẹp, tinh tấn mà không có đạo tâm, chính là nghĩa này. Nếu biết vô thường vượt qua dòng nước xoáy, gió mạnh điện chớp, núi, biển, hư không, chợ không chỗ nào tránh khỏi, quán như thế rồi tâm rất sợ hãi, ăn không ngon, ngủ không yên, như cứu lửa cháy đầu, ngựa trắng làm sao tránh khỏi ngày đê mê giong ruổi. Để mong cầu ra khỏi há lại tham chấp tài lợi thế gian kết cấu các cõi, làm việc không lợi ích tạo nghiệp sinh tử ư? Bặt dứt sự trói buộc, siêu vượt lên thẳng, như loài dã can rất thấu đáo sự, tranh nhau thoát khỏi nhà lửa, sớm mong cầu cứu giúp thoát khỏi, đó gọi là phá thường đảo.